

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày: 24-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Lệ Oanh.

Ông Nguyễn Văn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Ni – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Chênh Thành H. Sinh ngày 18/5/1994 tại H – Kiên Giang; Nơi đăng ký HKTT: Khu phố 1, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chênh Văn Y và bà Dương Thị T; chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 32/2013/HSST ngày 03/10/2013 của Tòa án nhân dân thị xã H (nay là thành phố H), xử phạt

Chênh Thành H 20 tháng tù, chấp hành xong 23/9/2014; Tiền sự: 04 tiền sự: Năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố H áp dụng biện pháp hành chính đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 16 tháng; Công an phường B ra Quyết định số 608/QĐ-XPHC ngày 13/9/2019, xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Công an phường B ra Quyết định số 623/QĐ-XPHC ngày 22/10/2019, xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ra Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; nhân thân: xấu; bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

2. Trương Thanh N. Sinh ngày 06/7/1995 tại Kiên Giang; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 8, Khu phố 2, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Phi S và bà Lê Kim P; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định xử phạt hành chính số 19/QĐ-XPHC ngày 23/5/2019 của Công an phường B với số tiền 750.000 đồng; nhân thân: xấu; bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

- *Bị hại:* Bà Lý Mộng X, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 60, đường M, Khu phố 2, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trần Ngọc T; (có mặt)
2. Ông Chênh Văn Y; (vắng mặt)
3. Anh Huỳnh Tấn P2; (vắng mặt)
4. Anh Trần Lý Thanh S2; (có mặt)
5. Anh Lê Trường H2. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nội dung bản Cáo trạng số: 29/CT-VKSHT ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang đã truy tố Chênh Thành H và Trương Thanh N về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 21/02/2020, Chênh Thành H điều khiển xe máy nhãn hiệu MAX; biển kiểm soát 68H2-3230 (do Nguyễn Duy P là anh rể của H là chủ sở hữu) chở Trương Thanh N đến quán Dốc Núi thuộc Khu phố 2, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang phát hiện xe máy nhãn hiệu VISION màu xanh của bà Lý Mộng X đang dựng trước quán không có người trông coi. H nhanh chóng tiếp cận, dùng tay kéo nâng yên xe lên cho N đưa tay vào trong cốp xe lấy trộm chiếc áo khoác, bên trong có 6.332.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime màu vàng rồi lên xe chạy đi thì bị Huỳnh Tấn P2 là nhân viên của quán phát hiện báo với ông Trần Lý Thanh S2, là con ruột của bà X biết. Sơn cùng Lê Trường H2 đuổi theo H, N và trình báo Công an. Khi đến đoạn đường vắng thuộc Khu phố 5, phường B, thành phố H, H dừng xe lại chia tài sản vừa trộm được, H giữ 3.100.000 đồng và 01 điện thoại di động, còn N giữ 3.232.000 đồng. Sau khi nhận được tin báo, lực lượng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H tiến hành truy tìm, phát hiện Chênh Thành H và Trương Thanh N nên mời về làm việc, cả hai đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp toàn bộ tài sản đã lấy trộm.

Tại Biên bản và Bản kết luận định giá tài sản số 05/BB-HĐ ngày 10/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố H, kết luận (BL 133-134): 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime màu vàng, IMEI: 355213093694073/01, IMEI: 355214093694071/01 (đã qua sử dụng), giá: 800.000đ (tám trăm ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản tại thời điểm ngày 21/02/2020 là: 800.000đ (tám trăm ngàn đồng).

Vật chứng trong vụ án:

1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime màu vàng, IMEI: 355213093694073/01, IMEI: 355214093694071/01 (đã qua sử dụng).

2. 01 (một) chiếc xe máy Nn hiệu Max KAWA, màu sơn: Xanh-trắng; biển kiểm soát 68H2-3230, số máy: VLFNBM08070078, số khung: RNBWCHY7YP81000781 (đã qua sử dụng).

3. Tiền Việt Nam, tổng giá trị là 6.332.000 đồng, gồm: 06 (sáu) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 03 (ba) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng; 02 (hai) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng; 27 (hai mươi bảy) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng; 31 (ba mươi một) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng; 37 (ba mươi bảy) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng; 22 (hai mươi hai) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng; 31 (ba mươi một) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng; 19 (mười chín) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng; 02 (hai) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 500 đồng; qua giám định là tiền thật (BL 131-132).

Các vật mục số 1 và mục số 3 chứng trả cho bà Lý Mộng X là chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 73/QĐ-CQĐT ngày 26/3/2020; vật chứng mục số 2 trả cho ông Nguyễn Duy P là chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 373/QĐ-CQĐT ngày 14/4/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H (BL 202-204).

Về dân sự: Bị hại bà Lý Mộng X, đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu bị can bồi thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Chênh Thành H và Trương Thanh N và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Chênh Thành H và Trương Thanh N phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chênh Thành H mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thanh N mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

- Về vật chứng: Ghi nhận các Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố H.

- Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo nói biết sai, xin lỗi bị hại và xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị hại không có ý kiến tranh luận và yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại, chỉ yêu cầu xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Duy P đã nhận lại được vật chứng là chiếc xe máy biển kiểm soát 68H2–3230, không có yêu cầu gì và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội. Qua xem xét các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa và lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ ngày 21/02/2020, tại quán Dốc Núi thuộc Khu phố 2, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, phát hiện xe máy nhãn hiệu VISION của bà Lý Mộng X không có người trông coi, Chênh Thành H

dùng tay kéo yên xe lên để cho Trương Thanh N đưa tay vào trong cốp xe lấy trộm chiếc áo khoác bên trong có 6.332.000 đồng tiền mặt và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime màu vàng, qua định giá là 800.000 đồng. Tổng tài sản H và N trộm cắp là 7.132.000 đồng. Hành vi của H và N đã cấu thành Tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cụ thể:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ...”.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, lợi dụng sự sơ hở trong bảo quản tài sản của người khác để thực hiện hành vi lén lút trộm cắp, mục đích nhằm chia nhau tiêu xài cá nhân. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo không những làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, mà còn gây nên tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có bàn bạc kỹ lưỡng, câu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể nên chỉ là đồng phạm giản đơn, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là ngang nhau.

[3] Xét về nhân thân: Tài liệu về lý lịch thể hiện các bị cáo đều có nhân thân xấu, từng có tiền án, tiền sự, nhiều lần bị xử phạt, được giáo dục nhưng vẫn không biết sửa chữa bản thân, liên tục vi phạm pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo H có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự do tái phạm. Đối với

bị cáo N từng bị kết án về Tội trộm cắp tài sản, tuy nhiên thời điểm phạm tội trước đây, bị cáo là người chưa thành niên nên không được xem là có tiền án, vì vậy không áp dụng tình tiết tăng nặng thuộc trường hợp tái phạm đối với bị cáo N. Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, có thái độ thành khẩn khai báo, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về áp dụng hình phạt: Xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo sao cho vừa đảm bảo tính giáo dục, vừa răn đe phòng ngừa chung. Xét thấy cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội trong một thời gian đủ để cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo H từng phạm tội, chưa được xóa án tích mà lại tái phạm và có nhiều tiền sự, vì vậy cần áp dụng mức hình phạt cao hơn bị cáo N. Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp và tương xứng với hành vi, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại được tài sản bị mất và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 73/QĐ-CQĐT ngày 26/3/2020 và Quyết định xử lý vật chứng số 373/QĐ-CQĐT ngày 14/4/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H về việc trao trả các vật chứng cho chủ sở hữu hợp pháp.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 17, 38, 51, 52, 173 của Bộ luật Hình sự;
- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố các bị cáo Chênh Thành H và Trương Thanh N phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Chênh Thành H 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Thanh N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận việc bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

3. Về xử lý vật chứng:

- Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 73/QĐ-CQĐT ngày 26/3/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H về việc trả cho bà Lý Mộng X gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime màu vàng, IMEI: 355213093694073/01, IMEI: 355214093694071/01 (đã qua sử dụng); Tiền Việt Nam, tổng giá trị là 6.332.000 đồng.

- Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 373/QĐ-CQĐT ngày 14/4/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H về việc trả cho anh Nguyễn

Duy P: 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Max KAWA, màu sơn: Xanh–trắng; biển kiểm soát 68H2–3230, số máy: VLFNBM08070078, số khung: RNBWCHY7YP81000781 (đã qua sử dụng).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Chênh Thành H và Trương Thanh N mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDs Tp. H;
- Công an Tp. H;
- UBND phường B, HT-KG;
- Bị cáo;
- Những người TGTt;
- Lưu: HsVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Chí Dũng